

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 9 - 2019

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi
2. Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 244/2019/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1991; địa chỉ cư trú: Ấp Chợ, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh L(Luận), sinh năm: 1992; địa chỉ cư trú: Ấp Bình Quang, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Minh L tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2014. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 16/7/2012.

Sau khi cưới chị và anh L chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, anh L sống vô trách nhiệm với gia đình. Chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống anh, chị có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Luân, sinh ngày: 18/02/2011, hiện nay con đang chung sống với anh L, do anh L nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

Nay chị Lkhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh Luân. Về con chung: Chị Lđồng ý giao con Nguyễn Hữu Luân, sinh ngày: 18/02/2011 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chị Lkhông cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Không có

Anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời gian quy định vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh L đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAnh L tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L nên đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Chị Lvà anh L chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà

Vinh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 16/7/2012 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét thấy anh, chị đã sống ly thân từ năm 2016, từ đó đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Lyêu cầu được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị L xác định chị và anh L có một con chung tên Nguyễn Hữu Luân, sinh ngày: 18/02/2011. Hiện nay con đang sống với anh L, chị L đồng ý giao con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của anh L hiện nay cháu Luân đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Anh L cũng có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặc khác tại bản tự khai ngày 20/8/2019 cháu Luân có nguyện vọng tiếp tục chung sống với anh L. Xét nguyện vọng của cháu Luân và yêu cầu giao con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng của chị L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án ghi nhận. Chị L có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lyêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001286 ngày 05/6/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Minh Luân.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hữu Luân, sinh ngày: 18/02/2011 cho Anh Nguyễn Minh Ltiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị L có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở. Anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn chị L phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001286 ngày 05/6/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/9/2019, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm